ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND
TỈNH TÂY NINH
VĂN PHÒNG

Số: 18 /QĐ-VP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 09 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2026 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Tây Ninh

CHÁNH VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND TỈNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thành lập Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 9999/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Tây Ninh năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính, Tổ chức, Quản trị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Tây Ninh để thực hiện nhiệm vụ được giao theo biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính, Tổ chức, Quản trị và kế toán chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- PCT HĐND tỉnh;
- PTĐ ĐBQH tỉnh;
- LĐ các Ban HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh khu vực XVIII;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Các phòng thuộc VP;
- Kế toán (Hằng, Nga);
- Lưu: VT, HCTCQT, H-Nga.

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Nguyễn Tuyết Thư

Biểu số 2
(Ban hành kèm theo TT số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị: VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND TỈNH TÂY NINH
Chương: 402

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VP ngày /01/2026 của Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Tây Ninh)

Đvt: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao bổ sung
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	***41.112***
1	***Chi quản lý hành chính***	***41.012***
1.1	*Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ*	*15.393*
1.2	*Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ*	*25.619*
1.3	*Kinh phí cải cách tiền lương*	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề***	***100***
3.1	*Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên*	
3.2	*Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên*	*100*
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao bổ sung
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	